

低排出ガス車認定型式一覧表

車名・型式	通称名	装置名称・型式	認定に係る基準	認定に係る測定物質の値					備考
				JC08H+JC08Cモード (g/km)					
				CO	NMHC	NOx	ホルムアルデヒド	PM	
ジャガー CBA-J05FA	ジャガー XF Luxury 3.0/ XF Premium Luxury 3.0 V6	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J05HA	ジャガー XF Premium Luxury 4.2 V8	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J051A	ジャガー XF Super V8	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J43YB	ジャガー XKR/XKR コンバーチブル	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J438B	ジャガー XK/XK コンバーチブル	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	

低排出ガス車認定型式一覧表

車名・型式	通称名	装置名称・型式	認定に係る基準	認定に係る測定物質の値					備考
				10・15+11モード (g/km)					
				CO	NMHC	NOx	ホルムアルデヒド	PM	
ジャガー CBA-J01FD	ジャガー S-TYPE 3.0 V6 SE	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J01HD	ジャガー S-TYPE 4.2 V8	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J011D	ジャガー S-TYPE R	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J71VB	ジャガー XJ6 3.0	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J72RB	ジャガー XJ8 3.5/ XJ8 3.5 SE	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J72SB	ジャガー XJ8 4.2 SE	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J73TB	ジャガー XJR/ スーパーV8	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J80RB	ジャガー XJ8 L 3.5	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J80SB	ジャガー XJ8 L 4.2	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J82TB	ジャガー スーパーV8 L	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ダイムラー CBA-D82TB	ダイムラー スーパーV8 L	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J435A	XK クーペ/ XK コンバーチブル (4.2)	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J434A	XK クーペ/ XK コンバーチブル (3.5)	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	
ジャガー CBA-J439A	XKR クーペ/ XKR コンバーチブル	—	17年基準50% 低減レベル	1.15	0.025	0.025	—	—	